TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13-01-2023
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Duy Thấm;

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Thái Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 253/2022/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Chàm Dol L, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ 29, ấp T, xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Chị Thị Ha S, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ 29, ấp T, xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 10 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Chàm Dol L trình bày:

Anh biết và hiểu rõ tiếng việt, học đến lớp 4 mới nghỉ học nên không yêu cầu người phiên dịch. Tại đơn ly hôn và tại biên bản ghi lời khai anh trình bày tên vợ là Thị Ha Sá, tuy nhiên chứng minh tên Thị Ha S nên nay anh yêu cầu ghi lại cho đúng.

Anh và chị Thị Ha S sống chung với nhau năm 1996, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, hôn nhân là tự nguyện.

Trong thời gian sống chung giữa vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau nên thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng không nói chuyện với nhau từ năm 2020 và không sống chung nhà từ tháng 9-2022 cho đến nay. Nhận thấy không thể tiếp tục sống chung với chị S nên anh yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đô Na Q, sinh ngày 18-11-1997 và Ha R, sinh ngày 19-10-2000, hiện nay các cháu đã thành niên, có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Anh tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Thị Ha S có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn như sau:

Chị biết và hiểu rõ tiếng việt nên không yêu cầu người phiên dịch. Chị tên Thị Ha S chứ không phải tên Thị Ha Sá, do chị không biết chữ nên khi cán bộ đăng ký giấy tờ đọc lại chị nghe đúng mới đồng ý ký tên.

Chị và anh L sống chung với nhau năm 1996, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, hôn nhân là tự nguyện.

Trong thời gian sống chung giữa vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân do anh L sinh sống với người phụ nữ khác nên không ở chung nhà với chị khoảng hơn 02 tháng nay, ngoài ra không có mâu thuẫn gì khác. Anh L yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý nhưng phải thỏa thuận xong tài sản chị mới đồng ý ký tên.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đô Na Q, sinh ngày 18-11-1997 và Ha R, sinh ngày 19-10-2000, hiện nay các cháu đã thành niên, có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng anh L phải ký cho con chị mới đồng ý ký ly hôn, còn nếu anh L không đồng ý thỏa thuận tài sản cho con thì chị cũng không yêu cầu chia tài sản, tòa án cứ giải quyết theo quy định.

Nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy giữa anh Chàm Dol L và chị Thị Ha S đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến ly thân từ tháng 9-2022 cho đến nay không thể hàn gắn được; trong quá trình giải quyết vụ án chị S thừa nhận có mâu thuẫn, nhưng phải thỏa thuận xong tài sản mới đồng ý ly hôn và không yêu cầu Tòa án chia tài sản là không phù hợp với pháp luật nên anh L yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Do đó căn cứ các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử theo hướng:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Chàm Dol L đối với chị Thị Ha S.

- Về nuôi con chung: Anh Chàm Dol L và chị Thị Ha S cùng thất nhất vợ chồng có 02 người con tên Đô Na Q, sinh ngày 18-11-1997 và Ha R, sinh ngày 19-10-2000, hiện nay các cháu đã thành niên, có gia đình riêng, không yêu cầu giải quyết nên cần ghi nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận anh Chàm Dol L và chị Thị Ha S không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Chàm Dol L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Chàm Dol L là nguyên đơn và chị Thị Ha S là bị đơn trong vụ án vắng mặt, có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh L, chị S.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Chàm Dol L và chị Thị Ha S chung sống với nhau từ năm 1996, hôn nhân giữa anh, chị là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh L thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án chị S đồng ý ly hôn nhưng phải thỏa thuận xong tài sản và cho rằng nguyên nhân vợ chồng có mâu thuẫn là do anh L sống chung với người phụ nữ khác nên không chung với chị từ hơn 02 tháng nay. Xét thấy, anh Chàm Dol L và chị Thị Ha S đều thừa nhận giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, đã ly thân từ tháng 9-2022 cho đến nay, tại phiên hòa giải ngày 21-11-2022 chị Thị Ha S đồng ý ly hôn với anh L nhưng phải thỏa thuận xong tài sản chung, nếu không thỏa thuận được chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, tuy nhiên cho đến khi Tòa án mở phiên tòa xét xử giữa vợ chồng vẫn không thỏa thuận được tài sản và anh L cùng chị Ha S không ai yêu cầu giải quyết tài sản nên Hội đồng xét xử thấy giữa anh, chị không còn quan tâm đến nhau, dẫn đến vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên anh L yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Anh Chàm Dol L và chị Thị Ha S cùng thất nhất vợ chồng có 02 người con tên Đô Na Q, sinh ngày 18-11-1997 và Ha R, sinh ngày 19-10-2000, hiện nay các cháu đã thành niên, có gia đình riêng, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận anh Chàm Dol L và chị Thị Ha S không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Chàm Dol L là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Chàm Dol L và chị Thị Ha S.

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận các con chung tên Đô Na Q, sinh ngày 18-11-1997 và Ha R, sinh ngày 19-10-2000, đã thành niên (đủ 18 tuổi), anh Chàm Dol L và chị Thị Ha S không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận anh Chàm Dol L và chị Thị Ha S không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Chàm Dol L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0007577 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; anh Chàm Dol L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Chàm Dol L và chị Thị Ha S có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thanh Quốc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Quốc